

KĨ NĂNG GIAO TIẾP SỰ PHẠM CỦA GIÁO VIÊN VỚI TRẺ MẪU GIÁO VÀ TIỂU CHÍ ĐÁNH GIÁ

VŨ THÚY HOÀN*

Ngày nhận bài: 18/04/2017; ngày sửa chữa: 21/04/2017; ngày duyệt đăng: 24/04/2017.

Abstract: The pedagogical communication skills of teachers with preschool children are expressed in creating relationship, exchanging information on cognition, emotion and action. These skills play an important role in caring and educating preschoolers. Therefore, assessment of these skills is required and must base on criteria such as completeness, flexibility and maturity.

Keywords: Communicative skills, pedagogical communication skills, preschool children, teacher.

1. Đặt vấn đề

Khi xã hội càng phát triển, trẻ em càng được quan tâm nhiều hơn, điều đó cũng đòi hỏi giáo viên mầm non (GVMN) phải liên tục trau dồi kiến thức, kĩ năng (KN) để đáp ứng với yêu cầu của nghề cũng như nhu cầu của xã hội. Một trong những KN quan trọng, không thể thiếu đối với GVMN, giúp họ thực hiện tốt công việc chăm sóc - giáo dục (CS-GD) trẻ, là *kĩ năng giao tiếp sự phạm* (KNGTSP) với trẻ mầm non nói chung, trẻ mẫu giáo (TMG) nói riêng.

Nhiều công trình nghiên cứu đã khẳng định rằng, trong quá trình GD, KNGT của giáo viên (GV) với đối tượng giáo dục (GD) đóng vai trò đặc biệt quan trọng. KNGTSP của GVMN cũng vậy, yếu tố này giúp GV dễ dàng thực hiện các mục đích GD và đạt được kết quả cao; ngược lại, nếu thiếu nó, quá trình tác động đến trẻ sẽ gặp khó khăn và nhiều khi dẫn đến những tình huống phản GD.

2. Kĩ năng giao tiếp sự phạm

2.1. Khái niệm. Đối tượng của hoạt động sự phạm là con người, một thực thể xã hội có ý thức chủ động tiếp thu sự GD. Sản phẩm của hoạt động sự phạm chính là những con người được trang bị một cách toàn diện để đi vào cuộc sống theo những chuẩn mực đã định. Để tác động tới đối tượng, hoạt động sự phạm được trang bị một hệ thống KN đảm bảo cho hoạt động đạt hiệu quả, như KN thiết kế, KN tổ chức, KN giao tiếp (GT), KN nhận thức, và hệ thống các KN chuyên biệt [1]. Từ những đặc điểm này cho thấy, hoạt động sự phạm phải đảm bảo tính chuẩn mực, tính đúng đắn, tính tích cực và sự gương mẫu của chủ thể hoạt động cũng như các yếu tố tham gia vào hoạt động.

Tác giả Ngô Công Hoàn [2] cho rằng: KNGTSP là hệ thống những thao tác, cử chỉ, điệu bộ, hành vi (kể cả hành vi phi ngôn ngữ) phối hợp hài hòa, hợp lí của GV, nhằm đảm bảo cho sự tiếp xúc với học sinh (HS) đạt kết quả cao trong dạy học và GD, với sự tiêu hao năng lượng tinh thần và cơ bắp ít nhất trong những điều kiện thay đổi. Như vậy, theo tác giả thì KNGTSP thực chất là sự phối hợp phức tạp

giữa các chuẩn mực hành vi xã hội (con người, nghề nghiệp) nhưng lại rất cá nhân với sự vận động của cơ mặt, ánh mắt, nụ cười, với ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết của GV. Sự phối hợp hài hòa hợp lí của các yếu tố đó ở GV sẽ mang lại một nội dung tâm lí nhất định, tác động đến người học.

Tác giả Nguyễn Thạc, Hoàng Anh [3] lại cho rằng: KNGTSP là khả năng nhận thức nhanh chóng những biểu hiện bên ngoài và những diễn biến tâm lí bên trong của HS và bản thân, đồng thời sử dụng hợp lí các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, biết cách tổ chức, điều khiển, điều chỉnh quá trình GT nhằm đạt mục đích GD.

Các tác giả trên đã cho thấy KNGTSP là một quá trình, thể hiện khả năng vận dụng những kiến thức và kinh nghiệm trong GT sự phạm của bản thân để nhanh chóng nhận ra những biểu hiện bên ngoài và những diễn biến tâm lí bên trong của người học nhằm thiết lập mối quan hệ thuận lợi, đồng thời sử dụng hợp lí các phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, cách tổ chức, điều khiển quá trình GT trong GD nhằm đạt mục đích GD đã đề ra.

Kế thừa các quan điểm trên, chúng tôi cho rằng: *KNGTSP là sự vận dụng kiến thức kinh nghiệm của GV vào thực hiện có hiệu quả việc thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và sử dụng các phương tiện GT với người học trong những điều kiện xác định.*

Như vậy, ở khái niệm này, nội hàm của KNGTSP bao gồm các nội dung sau: - Để có được KN GT với người học, GV phải có kiến thức, kinh nghiệm về GT sự phạm; - Nội dung cơ bản của KNGTSP bao gồm: KN thiết lập mối quan hệ với người học; KN truyền đạt các thông tin nhận thức, tình cảm, hành động phù hợp với đặc điểm tâm lí người học; KN sử dụng các phương tiện thể hiện GT phù hợp, hiệu quả; - KNGTSP được thể hiện không chỉ ở quá trình GT mà còn ở kết quả của hoạt động GT; - KNGTSP

* Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội

của GV không tự nhiên mà có mà là kết quả của quá trình học tập, tu dưỡng rèn luyện kết hợp với sự trải nghiệm trong quá trình GT với người học.

2.2. KNGTSP của GVMN với TMG. GVMN là người làm nhiệm vụ nuôi dưỡng, CS-GD trẻ từ 3-72 tháng tuổi tại các cơ sở GD mầm non. Trẻ từ 3-36 tháng được học ở các nhóm, lớp nhà trẻ, những trẻ có độ tuổi từ 32-72 tháng được học ở các nhóm, lớp mẫu giáo. Vị trí của GVMN có thể được coi là người thầy đầu tiên cùng với cha mẹ trẻ, xây dựng nền móng nhân cách ban đầu cho trẻ.

Có thể khẳng định rằng, GVMN là những người có tri thức tổng hợp khoa học GD mầm non, biết vận dụng sáng tạo những tri thức trong GT ứng xử với trẻ: thể hiện qua hành vi ứng xử mẫu mực đối với mọi người nói chung, với trẻ nhỏ nói riêng: từ lời nói rõ ràng, mạch lạc, thao tác hành vi chứa đựng những thái độ đầy lòng nhân ái, vị tha.

Trong trường mầm non, đối tượng chính mà GVMN GT thường xuyên, có tác động làm biến đổi, phát triển nhân cách là trẻ em. Đối với độ tuổi mẫu giáo, với những đặc điểm tâm lí của trẻ đang có sự phát triển và nhiều biến động thì khi tác động luôn đòi hỏi GV phải thể hiện một KNGTSP ở mức độ cao.

Đặc điểm khái quát nhất của quá trình GT của GVMN với TMG là sự mẫu mực về nhân cách, là tấm gương quan trọng để trẻ nhập tâm, bắt chước để có thể GT với những người xung quanh, từ đó dễ dàng gia nhập vào các nhóm xã hội. Trong GT sư phạm, GVMN tác động đến trẻ bằng tình cảm và nhân cách của mình. Do đó, khi GT với trẻ, GVMN phải đảm bảo các nguyên tắc GT: Yêu thương trẻ như con mình; GT bằng sự thành tâm, thiện ý; thỏa mãn hợp lí các nhu cầu cơ bản của trẻ; có cử chỉ dịu hiền, nhẹ nhàng, cởi mở, vui tươi; kết hợp hài hòa giữa dạy và dỗ.

Tóm lại, khi thực hiện các nguyên tắc trên, GVMN sẽ GT với trẻ với vai trò vừa là người mẹ hiền vừa là cô giáo. *GT sư phạm của GVMN với TMG là sự thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và sử dụng các phương tiện GT giữa GV với TMG.*

Như vậy, nội hàm của khái niệm GT sư phạm của GVMN phải thể hiện các nội dung sau: - Thiết lập mối quan hệ với trẻ; - Trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động; - Sử dụng các phương tiện GT.

Dựa trên các phân tích trên về KNGT, KNGTSP và các đặc điểm, nguyên tắc GT của GVMN đã cho thấy KNGTSP của GVMN với TMG được thể hiện ở rất nhiều khía cạnh, không chỉ ở kết quả GD mà còn trong suốt quá trình GT của cô với trẻ, là khả năng thiết lập mối quan hệ tích cực giữa cô và trẻ, nhanh chóng nhận ra những biểu hiện bên ngoài và những diễn biến tâm lí bên trong của TMG, đồng thời sử dụng hợp lí các phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, phương tiện GD, cách tổ chức, điều khiển quá trình GT trong GD TMG nhằm đạt mục đích GD đã đề ra.

Từ sự phân tích trên, chúng tôi cho rằng: *KNGTSP của GVMN với TMG là sự vận dụng kiến thức kinh nghiệm của GVMN vào thực hiện có hiệu quả việc thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin về nhận thức tình cảm hành động và sử dụng các phương tiện GT với TMG trong những điều kiện xác định.*

Như vậy, KNGTSP của GVMN với TMG bao gồm 3 nhóm KN cơ bản sau:

- *KN thiết lập mối quan hệ với TMG trong GT của GVMN* là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm để thể hiện sự tôn trọng, thành tâm thiện ý, hiểu tâm lí trẻ, yêu thương trẻ nhằm tạo cho trẻ cảm giác an toàn, tin cậy, vui vẻ, thoải mái khi tiếp xúc với cô. Như vậy, nhóm KN thiết lập mối quan hệ tích cực với trẻ bao gồm các KN bộ phận sau: - KN thể hiện sự thành tâm thiện ý, tôn trọng trẻ; - KN thể hiện sự yêu thương trẻ; - KN nắm bắt tâm lí trẻ.

- *KN trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động* với TMG trong GT của GVMN là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm có hiệu quả vào việc trao đổi với trẻ những thông tin kiến thức, tình cảm, hành động trong những điều kiện xác định. KN trao đổi nhận thức, tình cảm, hành động với trẻ bao gồm các KN bộ phận sau: - KN trao đổi thông tin về kiến thức; - KN trao đổi về tình cảm, cảm xúc; - KN trao đổi thông tin về hành động.

- *KN sử dụng phương tiện GT của GVMN với TMG* là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm có hiệu quả vào việc sử dụng ngôn ngữ nói, hành vi cử chỉ phi ngôn ngữ và đồ dùng trực quan trong những điều kiện xác định. Vì vậy nhóm KN sử dụng phương tiện GT bao gồm các KN bộ phận sau: KN sử dụng ngôn ngữ nói; KN sử dụng hành vi cử chỉ điệu bộ (đầu, ánh mắt, miệng, cổ, tay chân, cơ thể); KN sử dụng đồ dùng trực quan.

3. Các tiêu chí đánh giá KNGTSP cơ bản của GVMN với TMG

Bản về tiêu chí đánh giá KN, có nhiều quan điểm khác nhau. Một số tác giả như P.A. Rudic và G. Thodorson chia KN thành 2 mức: mức độ các thao tác riêng lẻ, chưa được hoàn thiện và mức độ cao hơn là kĩ xảo [4; tr 27]. Theo cách chia này cho thấy mức độ của KN được đánh giá qua 2 tiêu chí là tính đầy đủ và tính thành thực của các thao tác, thể hiện số lượng và chất lượng của KN. Việc dựa vào 2 tiêu chí như vậy còn khá khái quát và chưa đầy đủ, việc đánh giá sẽ gặp khó khăn.

Một số tác giả khác lại đánh giá mức độ biểu hiện của KN theo các giai đoạn phát triển. Tác giả K.K. Platonov, G.G. Golubev, P.Ia. Ganperin đánh giá qua 5 giai đoạn phát triển. Theo các tác giả này, các mức độ của KN được đánh giá dựa trên một số thông tin như: mức độ thực hiện hành động, độ khái quát, sự toàn vẹn của các thao tác, trình độ thành thạo. Tác giả Phạm Tất Dong cũng đánh giá mức độ KN qua 4 giai đoạn. Trong bài

viết “Xây dựng tiêu chí đánh giá thực trạng đối tượng nghiên cứu ở các công trình luận án tiến sĩ Tâm lí học”, tác giả Trần Hữu Luyện đã cho rằng, khi nghiên cứu về biểu hiện và mức độ của KN nào đó, thì tiêu chí xem xét bao gồm: Tính đầy đủ, tính thuần thực, tính linh hoạt và tính hiệu quả [5; tr 9-20]. Theo các cách phân chia trên, KN được bộc lộ từ thấp đến cao qua các giai đoạn: từ nắm được tri thức về KN cho đến có KN chưa đầy đủ, chưa thành thực, rồi có đầy đủ, cao nhất là có KN đầy đủ và thực hiện chúng thành thực, linh hoạt trong mọi điều kiện của hoạt động. KN không chỉ thể hiện ở tính đầy đủ và thành thạo mà còn ở sự ổn định, bền vững và linh hoạt, giúp đánh giá KN khá toàn diện về định lượng và định tính. Việc phân chia mức độ của KN thành nhiều giai đoạn giúp cho việc hình thành và nghiên cứu KN được thuận lợi và đảm bảo tính khoa học.

Tiếp nối các quan điểm trên, các tác giả sau này như Chu Liên Anh, Đào Thị Diệu Linh, Cao Xuân Liễu, Nguyễn Thị Quy cũng đã đưa ra các tiêu chí đánh giá KN ở các lĩnh vực khác nhau. Tác giả Chu Liên Anh [4] dựa vào 3 tiêu chí: - *Tính đầy đủ* (nhận thức đầy đủ mục đích, yêu cầu của KN và có đủ các thao tác cần thiết); - *Tính thành thực* (sự thành thạo của từng thao tác và sự kết hợp hợp lí các thao tác về số lượng và trình tự); - *Tính linh hoạt* (sự ổn định, bền vững và sáng tạo của KN trong các điều kiện khác nhau của hoạt động). Tác giả Đào Thị Diệu Linh [6] cho rằng có 5 tiêu chí, đó là: - *Tính đúng đắn* (biểu hiện ở việc thực hiện hành động/hoạt động một cách chính xác, đầy đủ, phù hợp với những điều kiện thực tiễn); - *Tính khái quát* (hành động được triển khai ở dạng rút gọn qua luyện tập); - *Tính thuần thực* (thể hiện ở sự thành thạo của từng thao tác và sự kết hợp hợp lí các thao tác về số lượng và trình tự); - *Tính linh hoạt* (các thao tác vẫn nhanh nhạy, chính xác, phù hợp với điều kiện thực tiễn thay đổi); *Tính hiệu quả* (thực tiễn được giải quyết). Tác giả Cao Xuân Liễu [7] lại xác định các mức độ của KN dựa trên 3 tiêu chí: - *Tính thuần thực* (sự thành thạo của từng thao tác và sự kết hợp hợp lí các thao tác về số lượng và trình tự trong hoạt động); - *Tính linh hoạt* (ổn định, bền vững, sáng tạo của KN); - *Tính đúng đắn* (ít hoặc không có sai phạm). Tác giả Nguyễn Thị Quy cũng cho rằng KN có 5 đặc trưng cơ bản, nhưng nội hàm của từng tiêu chí thì có điểm riêng, đó là: - *Tính đầy đủ* (chủ thể phải có đầy đủ tri thức, hiểu biết về KN); - *Tính khái quát* (không chỉ thực hiện duy nhất hành động đó có kết quả mà bất kể trong trường hợp nào tương tự cũng thực hiện hành động có hiệu quả, một số thao tác được bỏ qua nhưng hành động vẫn đạt hiệu quả); - *Tính thuần thực* (Thành thạo, không có thao tác thừa, không gặp vướng mắc khi triển khai hành động); - *Tính linh hoạt* (không chỉ trong 1 trường hợp cố hữu mà trong những trường hợp

tương tự hoặc hoàn cảnh khác nhau vẫn thực hiện hiệu quả hành động); - *Tính hiệu quả* (biểu hiện tổng thể giá trị cuối cùng của hành động có KN).

Như vậy, qua các quan điểm trên cho thấy giữa các tác giả không có sự khác biệt nhiều về tiêu chí đánh giá KN. Căn cứ vào việc xem xét, phân tích quan điểm của các tác giả trên, chúng tôi cho rằng, khi nghiên cứu KNGTSP của GVMN với TMG, cần xem xét đánh giá các mức độ của KN này dựa trên 3 tiêu chí:

- *Tính đầy đủ*: Biểu hiện ở việc thực hiện hoạt động GT một cách chính xác, có đầy đủ các thao tác cần thiết, phù hợp với những điều kiện thực tiễn. Tiêu chí này đánh giá định lượng của KN.

- *Tính thuần thực*: Biểu hiện ở sự vận dụng phù hợp các thao tác của KN với mục đích và điều kiện của hành động, sự thành thạo của từng thao tác và sự kết hợp hợp lí các thao tác về số lượng và trình tự hành động, không có thao tác thừa, không gặp vướng mắc trong thực hiện. Tiêu chí này giúp đánh giá về định tính của KN.

- *Tính linh hoạt*: Thể hiện sự ổn định, bền vững và sáng tạo của KN trong các điều kiện khác nhau. Tiêu chí này đánh giá định tính của KN.

Từ việc phân tích trên, để có thể đo đạc biểu hiện và mức độ KNGTSP của GVMN, theo chúng tôi, có thể đánh giá theo 5 mức độ: Kém, Yếu, Trung bình, Khá, Tốt dựa trên 3 tiêu chí: Tính linh hoạt, tính đầy đủ, tính thuần thực.

* *Tính đầy đủ* của KN được đánh giá theo 5 mức độ như sau:

+ *Kém*: Đây là mức thấp nhất. Ở mức này, tính đầy đủ rất hạn chế, GVMN chưa nhận thức được đầy đủ mục đích, yêu cầu sử dụng KN và gần như chưa có các biểu hiện thao tác cần thiết của KN.

+ *Yếu*: Ở mức này, tính đầy đủ còn hạn chế. GVMN chưa thực hiện hoạt động GT một cách chính xác, chưa có đầy đủ các thao tác cần thiết để phù hợp với những điều kiện thực tiễn.

+ *Trung bình*: Là mức đã có tính đầy đủ cần thiết. GVMN đã thực hiện hoạt động GT một cách tương đối chính xác, có tương đối đầy đủ các thao tác cần thiết để phù hợp với những điều kiện thực tiễn.

+ *Khá*: Là mức đã có tính đầy đủ tương đối tốt. GVMN chưa thực hiện hoạt động GT một cách chính xác, có đầy đủ các thao tác cần thiết để phù hợp với những điều kiện thực tiễn.

+ *Tốt*: Đây là mức cao nhất. Tính đầy đủ được thể hiện tốt. GVMN thực hiện hoạt động GT rất chính xác, có đầy đủ các thao tác cần thiết để phù hợp với cả những điều kiện thực tiễn không thuận lợi.

* *Tính thuần thực* của KN được đánh giá theo 5 mức độ như sau:

+ *Kém*: Đây là mức thấp nhất. Tính thành thực rất hạn chế. GVMN chưa có sự thành thạo, phù hợp cần thiết trong các biểu hiện của KN.

+ *Yếu*: Tính thành thực còn hạn chế. GVMN chỉ có được sự thành thạo ở rất ít các thao tác, sự kết hợp các thao tác ít có sự hợp lí, còn mắc nhiều lỗi.

+ *Trung bình*: Đã có tính thành thực cần thiết của KN. Về cơ bản, các GVMN đã có sự thành thạo trong các thao tác riêng lẻ, sự kết hợp các thao tác đã có sự hợp lí và phù hợp trong điều kiện hoạt động ổn định.

+ *Khá*: Tính thành thực của KN tương đối tốt. GVMN thể hiện sự thành thạo các thao tác riêng lẻ, sự kết hợp các thao tác trong tổ hợp tương đối hợp lí và phù hợp với các mục đích và điều kiện hoạt động, ít mắc lỗi.

+ *Tốt*: Đây là mức cao nhất. Tính thành thạo được thể hiện tốt. GVMN đã thành thạo trong các thao tác, sự kết hợp các thao tác trong tổ hợp hợp lí và phù hợp với mọi điều kiện hoạt động, không mắc lỗi.

Tính linh hoạt của KN được đánh giá theo 5 mức như sau: + *Kém*: Đây là mức thấp nhất. Tính linh hoạt của KN rất hạn chế, GV hầu như không có sự ổn định của KN trong hoạt động; + *Yếu*: Tính linh hoạt còn hạn chế. GVMN mới chỉ thể hiện sự ổn định của KN trong điều kiện quen thuộc, nhưng chưa có sự ổn định, bền vững và sáng tạo trong các điều kiện khác nhau của hoạt động GT; + *Trung bình*: GVMN đã có tính linh hoạt cần thiết, được thể hiện ổn định trong điều kiện thông thường. Tính sáng tạo còn rất hạn chế; + *Khá*: Tính linh hoạt của KN tương đối cao. KNGT của GVMN đã khá ổn định, bền vững và có sự sáng tạo; + *Tốt*: Đây là mức cao nhất. Tính linh hoạt của KNGT của GVMN được thể hiện rất cao. KNGT của GVMN đã có sự ổn định bền vững và có sự sáng tạo cao trong các tình huống GT khác nhau.

Dựa trên tiêu chí đánh giá và nguyên tắc tổng hợp trên đây, cùng với kĩ thuật thống kê, có thể đánh giá được một cách rõ ràng, chính xác mức độ và biểu hiện của KNGT của GVMN với TMG.

Từ cách xác định KNGTSP của GVMN với TMG cùng với tiêu chí đánh giá ở 5 mức như trên, cùng với cách phân tích thống kê toán học cụ thể, theo chúng tôi, các nhà nghiên cứu và các nhà quản lí có thể đánh giá được thực trạng KNGTSP của GVMN với TMG tại cơ sở GD đang ở mức độ nào, từ đó có thể đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao KNGTSP cho GVMN, đáp ứng yêu cầu của công tác CS-GD trẻ tại trường mầm non. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Crucchetxki V.A (1981). *Những cơ sở của tâm lí học sư phạm* (tập 1, 2). NXB Giáo dục.
- [2] Ngô Công Hoàn (1997). *Giao tiếp và ứng xử sư phạm (dùng cho giáo viên mầm non)*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[3] Nguyễn Thạc - Hoàng Anh (1995). *Giao tiếp sư phạm (Sách dùng cho các trường đại học và cao đẳng sư phạm)*.

[4] Chu Liên Anh (2010). *Kĩ năng thể hiện sự trung thực với khách hàng của luật sư trong tư vấn pháp luật*. Tạp chí Tâm lí học, số 10/2010; tr 40-47.

[5] Trần Hữu Luyện (2015). *Xây dựng tiêu chí đánh giá thực trạng đối tượng nghiên cứu ở các công trình luận án tiến sĩ Tâm lí học*. Tạp chí Tâm lí học, Viện Tâm lí học, số 1/2015 (tr 9-20).

[6] Đào Thị Diệu Linh (2015). *Nghiên cứu kĩ năng ghi nhớ từ tiếng Anh của học sinh lớp 6*. Luận án tiến sĩ Tâm lí học, Học viện Khoa học Xã hội.

[7] Cao Xuân Liễu (2014). *Kĩ năng đọc chữ tiếng Việt của học sinh lớp 1 người dân tộc Kơ Ho*. Luận án tiến sĩ Tâm lí học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

[8] Hồ Ngọc Đại (2012). *Nghiệp vụ sư phạm hiện đại* (tập 1,2). NXB Đại học Sư phạm.

[9] M.X.Mukhina (1981). *Tâm lí học mẫu giáo* (tập 1, 2). NXB Giáo dục.

Thực trạng phát triển kĩ năng...

(Tiếp theo trang 20)

Như vậy, KN GQVĐ có thể đo lường một cách khách quan bằng cách xây dựng một số tình huống gắn với các tình huống thực tế và kiểm tra bằng các phương pháp khác nhau của nhà sư phạm để đánh giá KN GQVĐ của trẻ 5-6 tuổi. Nhìn chung, KN GQVĐ của trẻ chưa thực sự cao, điều này đòi hỏi cần có sự đầu tư, phát triển đúng đắn để nâng cao KN GQVĐ cho trẻ trong học tập cũng như trong cuộc sống thực tiễn. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Thanh Âm (chủ biên, 2007). *Giáo dục học* (tập 1, 2). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Nguyễn Ngọc Bảo - Đỗ Thị Minh Liên (2007). *Sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành các biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo*. NXB Giáo dục.
- [3] Đỗ Thị Minh Liên (2003). *Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Lecne.I.Ia (1977). *Dạy học nêu vấn đề*. NXB Giáo dục.
- [5] Phạm Minh Hạc (chủ biên) - Phạm Hoàng Gia - Trần Trọng Thủy - Nguyễn Quang Uẩn (2005). *Tâm lí học*. NXB Giáo dục.
- [6] G. Terry Page & J.B. Thomas - International Dictionary of Education Kogan Page, London, Nichols Publishing Company, New York.
- [7] Nguyễn Thị Hạnh (2010). *Xây dựng mô hình dạy học giải quyết vấn đề ở tiểu học*. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [8] Hoàng Phê (1998). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Khoa học xã hội.